

Họ và tên GV được đánh giá:..... Học vị : ..... Chức danh: .....

Thâm niên GD: .....(năm); Bộ môn: ..... Khoa/Viện: .....

**I. ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

Tiêu chí	Nội dung	Điểm (+ hoặc -) tối đa	GV tự đánh giá	BM đánh giá
	<b>Lĩnh vực 1: Hoạt động giảng dạy</b>			
1	Có tổng số giờ giảng qui định đạt n lần định mức ( $n_{max} = 1,5$ )	n x 30		
2	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy, đủ số giờ được phân công	10		
3	Đăng ký đổi mới công tác GD theo qui định và thực hiện có hiệu quả	5+10		
4	Có đề cương chi tiết học phần theo qui định và đưa lên trang Web bộ môn	5/HP		
5	Bài giảng chi tiết đáp ứng yêu cầu chuyên môn, có tại Thư viện số	5+5/BG		
6	Bài giảng và tài liệu tham khảo được cập nhật, bổ sung hàng năm	5/BG		
7	Xây dựng bài giảng điện tử để giảng trên lớp đáp ứng yêu cầu chuyên môn	5/BG		
8	Viết bài giảng mới: tham gia, chủ trì	5, 10/BG		
9	Viết giáo trình mới được Trường in: tham gia, chủ trì	10, 20/GT		
10	Viết sách chuyên môn được xuất bản: tham gia, chủ trì	15, 30/cuốn		
11	Thiết kế phần mềm, đồ dùng dạy học được sử dụng	10		
12	Tham gia hội đồng xây dựng, cập nhật chương trình giáo dục	5/CT		
13	Biên dịch tài liệu chuyên môn để GV/SV tham khảo	5/15 trang		
14	<b>Vì phạm các qui định về lên lớp, thi, kiểm tra</b>	<b>-5/lần</b>		
	<b>Lĩnh vực 2: Hoạt động nghiên cứu khoa học</b>			
15	Có báo cáo chuyên môn đăng ký yếu cấp BM, khoa, trường, quốc gia, quốc tế	5, 10, 15, 20, 25/bài		
16	Có bài báo chuyên môn trên tạp chí trong nước, quốc tế	20, 40/bài		
17	Có bài viết chuyên môn trên trang web Khoa, Trường	3, 5/bài		
18	Chủ nhiệm đề tài NCKH thực hiện đúng tiến độ cấp Trường, Bộ/địa phương, Nhà nước	5, 10, 15/ĐT		
19	Chủ nhiệm đề tài NCKH được nghiệm thu cấp Trường, Bộ/địa phương, Nhà nước	15, 20, 30/ĐT		
20	CTV đề tài NCKH được nghiệm thu cấp Trường, Bộ/địa phương, Nhà nước	5, 10, 15/ĐT		
21	Có sáng kiến được nghiệm thu cấp đơn vị, trường	10, 20/SK		
22	Chuyển giao công nghệ được nghiệm thu: tham gia, chủ trì	10, 20/ĐT		
23	Tư vấn chuyên môn được doanh nghiệp công nhận	10/lần		
24	Độc quyền sáng chế, phát minh	30, 50/lần		
25	<b>Quá hạn không lý do chính đáng đề tài, hợp đồng, ...</b>	<b>-10/lần</b>		
	<b>Lĩnh vực 3: Hoạt động tự bồi dưỡng, hướng dẫn SV</b>			
26	Học ngoại ngữ, chuyên môn đạt chứng chỉ theo qui định	10/CC		
27	Đi thực tế hoặc tổ chức cho SV đi thực tế ngành nghề	5/đợt		
28	Tham gia công tác cố vấn học tập được xếp loại A, B, C	10, 7, 5/lớp		
29	Hoàn thành chương trình Bằng 2, Thạc sĩ, Tiến sĩ	10, 15, 25		
30	Hướng dẫn SV NCKH được nghiệm thu đúng hạn	10/ĐT		
31	Hướng dẫn SV NCKH đạt giải trường, quốc gia, quốc tế	10, 15, 30/ĐT		
32	Huấn luyện SV thi đấu chuyên môn/TDĐT đạt giải khu vực, quốc gia, quốc tế	10, 15, 30/giải		
33	<b>Đi học kết quả không đạt, kéo dài không có lý do chính đáng</b>	<b>-10/lần</b>		
	<b>ĐIỂM TỔNG (ĐT)</b>			

**II. XẾP LOẠI** (Dựa trên Điểm tổng đánh giá bởi Bộ môn, đánh chéo  vào ô phù hợp)

- A+** (Có ĐT trên 140)     
 **A** (Có ĐT từ 116 đến 140)     
 **B** (Có ĐT từ 90 đến 115)  
 **C** (Có ĐT từ 70 đến 89)     
 **D** (Có ĐT dưới 70)

**TRƯỞNG BỘ MÔN** (Ký và ghi họ tên)

**GIẢNG VIÊN** (Ký và ghi họ tên)